TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 1158/2026/DS-PT Ngày: 11-9-2026 "V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 683/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2026, về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2026/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 576/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Ngọc Y, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: A Tổ G, Ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Quốc H, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ A, Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh).

- *Bị đơn:*

1. Ông Châu Hoàng L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị S, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh).

- *Người kháng cáo:* Ông Châu Hoàng L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ngày 04/11/2021, bà Trương Thị Ngọc Y cho vợ chồng bà Nguyễn Hồng H1 và ông Châu Hoàng L mượn số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn. Thời hạn vay đến hết ngày 30/01/2022, lãi suất thoả thuận 2%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng, có bà Bùi Thị S và ông Huỳnh Quốc H làm chứng. Đến hạn trả nợ bà H1 vẫn không trả gốc, không trả lãi mặc dù bà Y đã đòi nhiều lần.

Do bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên bà Y khởi kiện, yêu cầu bà H1 và ông Châu Hoàng L liên đới trả tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng H1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất bà H1 có ý kiến trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Y số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn buôn bán quần áo và đã trả lãi cho bà Y nhiều năm. Đây là khoản tiền nợ riêng của bà H1 không liên quan đến ông L. Khi bà mượn nợ bà Y cũng yêu cầu ông L ký tên nhưng bà không dám báo cho ông L biết nên trong giấy nợ chỉ có một mình bà ký tên. Nay bà Y khởi kiện bà đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ trên cho bà Y. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần tiền nợ. Đối với số tiền nợ giữa bà và bà S đề nghị không giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Châu Hoàng L có ý kiến trình bày:

Thời điểm bà H1 mượn tiền của bà Y thì ông với bà H1 đang trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên bà H1 mượn và sử dụng vào mục đích cá nhân, ông không hề biết, ông không ký vào giấy mượn tiền của bà Y. Từ tháng 3/2023, ông và bà H1 đã ly hôn. Do nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng nên vào ngày 30/10/2023 ông trả thay cho bà H1 số tiền 150.000.000 đồng, ông đưa số tiền trên cho bà S để bà S giao lại cho bà Y. Do ông không biết và không sử dụng số tiền này nên ông không đồng ý liên đới cùng với bà H1 trả nợ cho bà Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Bùi Thị S trình bày: Giữa bà và bà H1 có quan hệ nợ nần với nhau, bà sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 12/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là TAND khu vực 7-Tây Ninh) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Y đối với bị đơn ông L, bà H1.

Ngày 26/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là VKSND khu vực 7-Tây Ninh) ban hành kháng nghị số 05/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm. Ngày 22/3/2024, bị đơn ông Châu Hoàng L kháng cáo.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 373/2024/DS-PT ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là TAND tỉnh Tây Ninh) tuyên xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 12/3/2024, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 7 giải quyết lại theo thủ tục chung, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí phúc thẩm.

Sau khi nhận hồ sơ và thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh đã tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ trong vụ án. Trong quá trình giải quyết lại vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn do ông Huỳnh Quốc H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Bùi Thị S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà S thừa nhận có nhận thay cho bà Y số tiền 75.000.000 đồng từ ông L. Nên bà Y thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà H1 và ông L trả số tiền 225.000.000 đồng nợ gốc. Đối với yêu cầu tính lãi do hoàn cảnh bà H1 và ông L hiện nay khó khăn nên chỉ yêu cầu số tiền lãi 67.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 292.000.000 đồng. Đối với số tiền bà S nhận thay cho bà Y, bà S và bà Y sẽ tự thỏa thuận sau không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đối với các giấy vay tiền giữa bà H1 và bà S trong hồ sơ vụ án là sự việc riêng giữa bà H1 và bà S, không liên quan đến vụ án nên nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu gì.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án lại tại cấp sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S trình bày: Bà và bà Y quen biết nhau từ lâu, ngày 30/10/2023 ông L có trả thay cho bà H1 số tiền 150.000.000 đồng tiền nợ bà H1 nợ của bà và bà Y (trả cho bà Y 75.000.000 đồng và bà S 75.000.000 đồng). Đối với số tiền bà nhận thay cho bà Y, bà và bà Y sẽ tự thỏa thuận sau không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đối với các giấy vay tiền giữa bà H1 và bà theo các giấy vay tiền bà cung cấp cho Tòa án bà sẽ tự thỏa thuận với bà H1. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này nên đề nghị vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Sự việc tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2026/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc Y về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Châu Hoàng L và bà Nguyễn Hồng H1.

Buộc ông Châu Hoàng L và bà Nguyễn Hồng H1 liên đới trả cho bà Trương Thị Ngọc Y số tiền nợ gốc 225.000.000 đồng, nợ lãi 67.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 292.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Châu Hoàng L và bà Nguyễn Hồng H1 phải liên đới chịu 14.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Ngọc Y số tiền tạm ứng án phí 9.118.500 đồng mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012649 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 15/7/2026, bị đơn ông Châu Hoàng L kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án đối với kháng cáo của đương sự: Kiểm sát viên phân tích yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Châu Hoàng L là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Châu Hoàng L được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Quốc H, ông Châu Hoàng L và bà Bùi Thị S vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Nguyễn Hồng H1 vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc Y khởi kiện yêu cầu ông Châu Hoàng L và bà Nguyễn Hồng H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Ngọc Y số tiền 292.000.000 đồng (nợ gốc 225.000.000 đồng, nợ lãi 67.000.000 đồng).

Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Châu Hoàng L kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ, đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Châu Hoàng L, thấy rằng:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng cho mượn tiền ngày 04/11/2021, do nguyên đơn bà Y cung cấp thể hiện: Ngày 04/11/2021 bà Y có cho bà Nguyễn Hồng H1 mượn số tiền 300.000.000 đồng, kể từ ngày 04/11/2021 đến hết ngày 30/01/2022, hợp đồng không thoả thuận lãi suất. Hợp đồng có bà Nguyễn Hồng H1 ký tên, lăn tay và ghi rõ họ tên, đồng thời có người làm chứng là bà Bùi Thị S và ông Huỳnh Quốc H ký và ghi rõ họ tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận giấy mượn tiền nêu trên là có thật. Do bà H1 còn nghĩa vụ thanh toán đối với bà Y và bà S nên ngày 30/10/2023, ông L giao cho bà S 150.000.000 đồng để thanh toán thay cho bà H1; trong đó bà S xác nhận đã giao cho bà Y 75.000.000 đồng và nhận 75.000.000 đồng. Do bà Y đã nhận 75.000.000 đồng nên xác định số tiền gốc bà H1 còn phải trả cho bà Y là 225.000.000 đồng. Sự việc này được các bên thống nhất thừa nhận. Đây là sự việc không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về tiền lãi:

Nguyên đơn và bà H1 đều xác định khoản vay có thỏa thuận về lãi suất; tuy nhiên, thỏa thuận này không được ghi nhận trong hợp đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 67.000.000 đồng. Xét thấy, bị đơn vay tiền của nguyên đơn thời hạn vay từ ngày 04/11/2021 đến 30/01/2022. Đến hạn trả nợ bị đơn không trả nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lãi 67.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật

Dân sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.3] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ của ông Châu Hoàng L, xét thấy:

Hợp đồng cho mượn tiền ngày 04/11/2021 chỉ có bà Nguyễn Hồng H1 ký tên, ông L không ký vào hợp đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm bà H1 xác lập giao dịch vay tiền với bà Y, bà H1 và ông L đang là vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H1 thừa nhận khoản tiền vay được sử dụng để kinh doanh, buôn bán quần áo. Mặt khác, sau khi bà H1 và ông L ly hôn, ngày 30/10/2023, ông L đã giao cho bà Bùi Thị S số tiền 150.000.000 đồng để thanh toán các khoản nợ của bà H1; bà S xác nhận trong số tiền này đã giao lại cho bà Y 75.000.000 đồng để thanh toán một phần khoản nợ của bà H1 đối với bà Y. Sau khi nhận số tiền 75.000.000 đồng này, bà Y đã xác định và thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông L và bà H1 liên đới thanh toán số tiền gốc còn lại là 225.000.000 đồng.

Mặc dù ông L cho rằng khoản tiền bà H1 vay là nợ riêng của bà H1, ông không biết việc vay tiền và việc ông giao tiền cho bà S là do tình nghĩa vợ chồng, nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản tiền vay được sử dụng hoàn toàn cho mục đích riêng của bà H1. Trong khi đó, việc ông L trực tiếp thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần khoản nợ của bà H1 là tình tiết cần được xem xét cùng với mục đích sử dụng tiền vay và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ để xác định bản chất nghĩa vụ.

Theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, trường hợp nghĩa vụ của một bên vợ hoặc chồng thuộc nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới. Xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ căn cứ xác định khoản tiền bà H1 vay được sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân và thuộc trường hợp nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Do đó, mặc dù ông L không trực tiếp ký hợp đồng vay nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà H1 thanh toán khoản nợ cho bà Y.

Việc ông L và bà H1 đã ly hôn không làm chấm dứt nghĩa vụ tài sản đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đối với người thứ ba. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông L về việc không buộc ông liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn ông Châu Hoàng L kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông L và bà H1 phải liên đới chịu 14.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Châu Hoàng L không được chấp nhận nên ông L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Châu Hoàng L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2026/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc Y về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Châu Hoàng L và bà Nguyễn Hồng H1.

Buộc ông Châu Hoàng L và bà Nguyễn Hồng H1 liên đới trả cho bà Trương Thị Ngọc Y số tiền nợ gốc 225.000.000 đồng, nợ lãi 67.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 292.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Châu Hoàng L và bà Nguyễn Hồng H1 phải liên đới chịu 14.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Ngọc Y 9.118.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012649 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Châu Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001035 ngày 15/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 7 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Vân